TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** TỈNH BẮC GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **106**/2018/QĐST - HNGĐ	*Lục Ngạn, ngày 29 tháng 05 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ dân sự thụ lý số: 103/2018/TLST-HNGĐ ngày 19/04/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Vi Văn L** - sinh năm 1989.

- Trú quán: Thôn H - Xã G - Huyện LN - Bắc Giang.

* Bị đơn: Chị **Đinh Thị Tr** - Sinh năm 1994.

- - Trú quán: Thôn H - Xã G - Huyện LN - Bắc Giang.

- Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 05 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21/05/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vi Văn L và chị Đinh Thị Tr.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vi Văn L và chị Đinh Thị Tr cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Vi Văn L và chị Đinh Thị Tr cùng thống nhất, thỏa thuận sau khi ly hôn. Chị Đinh Thị Tr có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc con

chung là cháu Vi Trâm A - Sinh ngày 16/8/2016. Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị Tr với mức cấp dưỡng 1000.000 (Một triệu) đồng/tháng kể từ tháng 6/2018 cho đến khi cháu Vi Trâm Anh đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn anh L được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Vi Văn L và chị Đinh Thị Tr không có tài sản chung, không liên quan vay nợ ai. Không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ.

Về án phí: Áp dụng điều 147 BLTTDS, Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Vi Văn L phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận anh L đã nộp 300.000 đồng tiền dự phí án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số: **AA/2016/0003332** ngày 19/04/2018. Khoản tiền này chuyển thành án phí.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- CCTHADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã G, huyện LN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Việt Hùng